TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 181/2024/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 17 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn X, sinh năm 1977.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn X và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Lê Văn X và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung:

2.1.1. Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 20/4/2004 đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.1.2. Giao cháu Lê Khánh D, sinh ngày 22/11/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm ngàn đồng),* thời gian cấp dưỡng tính từ ngày

09/12/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn X nộp toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí ly hôn và có nghĩa vụ nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011646 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, anh X đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã Ngãi Tứ,
huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
(Giấy kết hôn số: 98 ngày 19/7/2004)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thạch Thị Tuyền